

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH AN GIANG

Bán án số: 65/2018/HNGĐ - ST

Ngày 06/8/2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng Bích

Bà Huỳnh Thị Thuý Hoa

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hường.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 543/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/06/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1978

Địa chỉ: 14/58D, khóm Thới Hòa, phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên, An Giang – Có mặt.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Hồng N, sinh năm 1980

Địa chỉ: 14/58D, khóm Thới Hòa, phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên, An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/07/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Phạm Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hồng T và bà HuỳnhThị Hồng N do quen biết nhau trước, cả hai đã tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 1998, đây là hôn nhân lần thứ nhất của cả hai, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên vào ngày 18/04/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nên cuộc sống gia đình không hạnh phúc, bà N thường hay bỏ nhà đi vắng không rõ lý do, mặc dù ông T đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không khắc phục được và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu xin ly hôn với bà N.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Ngọc G, sinh ngày 12/03/1996 và Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 24/05/1998 . Hiện các con chung đã trưởng thành, có khả năng tự lao động, sinh sống.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nhưng có văn bản trình bày ý kiến ngày 15/07/2018 đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng T.

Về hôn nhân: Bà N thống nhất với lời trình bày của ông T về thời gian kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, cũng như thời gian sống ly thân của vợ chồng, do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và thời gian ly thân vợ chồng cũng không tạo điều kiện để hàn gắn với nhau. Nay qua yêu cầu xin ly hôn của ông T thì bà N cũng đồng ý ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Thống nhất với lời trình bày của ông T, vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Ngọc G, sinh ngày 12/03/1996 và Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 24/05/1998. Hiện các con chung đã trưởng thành, có khả năng tự lao động, sinh sống.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Ngày 01/02/2018, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng cư trú của bà Huỳnh Thị Hồng N với kết quả: Bà N hiện có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại số 14/58D, khóm Thới Hoà, phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Phạm Hồng T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng N vắng mặt trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử vụ án và lần thứ hai tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung tranh chấp: Ông T yêu cầu ly hôn với bà N, do bà N bỏ nhà đi ra Phú Quốc sinh sống từ năm 2017 cho đến nay mà không quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa bà N với ông T và cũng không muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Nhận thấy, tình cảm giữa ông T với bà N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nếu kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông T; Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không tranh chấp nên đề nghị không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa ông T và bà N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bà Huỳnh Thị Hồng N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên nên ông Phạm Hồng T khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng N vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử và lần thứ hai tại phiên tòa nhưng Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng bà N vẫn vắng mặt, không lý do. Ngoài ra, tại phiếu xác minh tình trạng cư trú ngày 01/02/2018 được Công an phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên xác nhận bà N có đăng ký hộ khẩu thường trú số 14/58D, khóm Thới Hoà, phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Huỳnh Thị Hồng N.

[2] Về hôn nhân: Ông T và bà N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên vào ngày 18/04/2002, đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Bà N tuy vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nhưng bà cũng có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T. Qua xem xét ý kiến của các bên Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng của ông T bà N có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được, thể hiện qua việc vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay là khoảng thời gian tương đối dài nhưng cả hai chỉ lo cho cuộc sống riêng của nhau mà không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này sẽ gây ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống của cả hai. Do đó, việc ông T xin ly hôn với bà N là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được xem xét chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông T và bà N có 02 con chung tên Phạm Ngọc G, sinh ngày 12/03/1996 và Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 24/05/1998. Hiện các con chung đã trưởng thành, có khả năng tự lao động, sinh sống nên không xem xét đến.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông Phạm Hồng T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Hồng T và bà Huỳnh Thị Hồng N được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên Xử :

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phạm Hồng T với bà Huỳnh Thị Hồng N.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Ngọc G, sinh ngày 12/03/1996 và Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 24/05/1998. Hiện các con chung đã trưởng thành, có khả năng tự lao động, sinh sống.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án: Ông Phạm Hồng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0018667 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Hồng T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Huỳnh Thị Hồng N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THA TPLX;
- VKS TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường Mỹ Thạnh;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền